TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HS-ST
Ngày: 25/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phùng Quốc Doanh** và bà **Nguyễn Thị Hà**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Ưu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HS ngày 11/5/2021 đối với bị cáo:

Lâm Văn D, Tên gọi khác: Không, Sinh ngày 24/01/1990, tại huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: TK, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 5/12. Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Văn K và bà Trần Mỵ H; vợ; con: chưa có; tiền sự: Không. Tiền án: 02. Ngày 12/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 03 (ba) năm tù về tội "Giao cấu với trẻ em". Ngày 25/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng xử phạt 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại**: Chị Dương Thị T, sinh năm 1999. Trú tại: Thôn P, xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1988. Trú tại: TK, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Dương Văn T, sinh 1996. Trú tại: Thôn P, xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Người làm chứng:* Hoàng Văn S, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, Lâm Văn D mở quán bán nước ở cửa Trung tâm y tế huyện Ba Bể thuộc T, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Tháng 5/2020, D có quen và có quan hệ tình cảm với Dương Thị T, sinh năm 1999. Trú tại: Thôn P, xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Cuối tháng 5/2020 thì D và T chung sống với nhau như vợ chồng, hàng ngày T hộ D bán quán nước. Quá trình chung sống với D, T có mượn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 97B1-508.20, tên chủ sở hữu Dương Văn T (anh ruột của T) để làm phương tiện đi lại và D thường xuyên sử dụng xe này cùng với T. Buổi sáng ngày 26/5/2020 D hỏi mượn xe máy của T để đi công việc và được T đồng ý. Sau đó, D đã nhờ Hoàng Văn S, trú tại: thôn P, xã Đ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn dẫn đi tìm chỗ cầm cố xe. Sư đưa D đến cửa hàng xe máy L do anh Hoàng Văn L ở TK, thị trấn C, huyện Ba Bể làm chủ, D cầm cố xe mô tô BKS 97B1-508.20 lấy số tiền là 8.000.000^{đ} (tám triệu đồng), số tiền này D đã tiêu sài cá nhân hết. Khi hết thời hạn cầm cố, do không có tiền chuộc lại xe nên D đã nhiều lần gia hạn với anh L nhưng vẫn không có tiền để chuộc lại xe nên anh L đã bán chiếc xe cho người khác. Trong thời gian D cầm cố chiếc xe T nhiều lần bảo D đi chuộc xe lại nhưng D bảo không có tiền nên T có đưa cho D số tiền là 5.000.000 đồng để D đi chuộc lại xe, tuy nhiên D vẫn không có đủ tiền để chuộc xe nên cả hai người đã cùng chi tiêu hết số tiền trên. T cũng đã nhiều lần yêu cầu D trả lại số tiền bằng giá trị chiếc xe đã cầm cố nhưng D không có khả năng thanh toán. Ngày 11/8/2020, T đã gửi đơn đến cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Ba Bể tố giác về hành vi của Lâm Văn D mượn xe máy của T đi cầm cố rồi không trả lại tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 813/KL-ĐGTS ngày 06/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Bể kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 97B1-508.20 thời điểm định giá ngày 26/5/2020 có giá là 12.100.000^{đ} (Mười hai triệu, một trăm nghìn đồng).

Hành vi Lâm Văn D lợi dụng mối quan hệ tình cảm với Dương Thị T để mượn tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 97B1-508.20 để đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân và không có khả năng trả lại tài sản đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 175/BLHS. Trước khi phạm tội này, D đã bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" đã áp dụng tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52/BLHS. Bản án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này D phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 175/BLHS

Tại Bản cáo trạng số: 10/CT-VKSBB ngày 12/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Lâm Văn D về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 175 Bộ luật Hình sự. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:.....

g) Tái phạm nguy hiểm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo D. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lâm Văn D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 175, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS: Xử phạt bị cáo Lâm Văn D từ 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48/BLHS, Điều 584; 585; 586, 589/BLDS.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo D và bị hại Dương Thị T như sau: Bị cáo D có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Dương Thị T số tiền là 12.100.000đ (Mười hai triệu, một trăm nghìn đồng)

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo D thành khẩn khai nhận hành vi làm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như cáo trạng đã truy tố và nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại: Nhất trí tự nguyện thỏa thuận bồi thường với bị cáo D và không có yêu cầu gì thêm, đồng thời tại phiên tòa xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo D.

Người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa Lâm Văn D khai nhận: Do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên sáng ngày 26/5/2020 tại quán nước của D thuộc tiểu khu 2, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, D đã có hành vi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 97B1-508.20 của chị Dương Thị T đi cầm cố lấy số tiền là 8.000.000 đồng và đã tiêu sài cá nhân hết, dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho chị T. Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 97B1-508.20 tại thời điểm Lâm Văn D đem đi cầm cố là 12.100.000^{đ} (Mười hai triệu, một trăm nghìn đồng).

Bị cáo D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Lâm Văn D về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 175 của Bộ luật hình sự. Trước khi phạm tội này, D đã bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" đã áp dụng tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52/BLHS. Bản án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này D phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 175/BLHS. Vậy, khẳng định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể truy tố Lâm Văn D về tội "Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 175 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là rất nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân xấu: 02 tiền án. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng và được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" và bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự - theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

[4].Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản nên không có khả năng thi hành do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Đối với bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bị hại Dương Thị T: Quá trình giải quyết vụ án chị T xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 97B1-508.20 tại thời điểm bị cáo D mang cầm cố là do anh Dương Văn T đã giao xe cho chị quản lý, sử dụng, nhưng chị không có quyền định đoạt. Nay chị và bị cáo D đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường, cụ thể: Bị cáo D có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Dương Thị T số tiền là 12.100.000đ (Mười hai triệu, một trăm nghìn đồng). Chị không yêu cầu tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự của chị đối với anh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Văn T: Quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh T đều khẳng định xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 97B1-508.20 thuộc quyền sở hữu của anh T. Tuy nhiên, tại thời điểm tháng 5/2020 T đã giao xe cho em gái ruột là Dương Thị T quản lý, sử dụng. Nay xảy ra sự việc bị lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe thì anh T ủy quyền cho T toàn quyền giải quyết sự việc và nhận tiền bồi thường từ bị cáo D với số tiền là 12.100.000 đồng. Anh T không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm hoàn trả giữa anh và chị Dương Thị T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn L: Quá trình giải quyết vụ án anh L trình bày có sự việc bị cáo D cầm cố xe tại cửa hàng mua bán xe máy Linh Lâm do anh làm chủ, nhưng anh không biết việc D lạm dụng tín nhiệm mang xe của người khác đến cầm cố cho anh. Khi chị T gặp anh để gia hạn thời hạn chuộc xe cũng không nói cho anh biết đó là xe của chị T đang quản lý, sử dụng bị D tự ý mang đi cầm cố, anh cũng đã gia hạn cho D và chị T nhiều lần. Khi hết thời hạn gia hạn mà không thấy ai đến chuộc xe thì anh L đã bán xe cho người khác. Do đó không xem xét xử lý đối với anh L là đúng quy định.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án bị hại và bị cáo D đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường, cụ thể: Bị cáo D có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Dương Thị T số tiền là 12.100.000đ (Mười hai triệu, một trăm nghìn đồng). Bị cáo chưa bồi thường được khoản tiền nào cho bị hại. Xét thấy việc

thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức của xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Về vật chứng*:* 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 97B1-508.20,tên chủ sở hữu Dương Văn T, không thu hồi được.

[8]. Về án phí*:* Căn cứ Điều 136/BLTTHS, Điều 23 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo Lâm Văn D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

* Căn cứ điểm g, khoản 2, Điều 175; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38/BLHS.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn D 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48/BLHS, Điều 584; 585; 586, 589/BLDS.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo D và bị hại Dương Thị T như sau: Bị cáo D có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Dương Thị T số tiền là 12.100.000đ (Mười hai triệu, một trăm nghìn đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự:

"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

* Về án phí: Căn cứ Điều 136/BLTTHS, Điều 23 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:
- VKSND Ba Bể 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện Ba Bể 2;
- Bị cáo 1;
- Bị hại 1;
- NCQLNVLQ 2;
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu TA 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nguyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Quốc Doanh + Nguyễn Thị Hà **Ma Thị Nguyên**